**TÓM TẮT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

I. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN.

1.1. Thông tin chung về dự án:

Nam Định là trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng, có vị thế rất thuận lợi để kết nối với thủ đô Hà Nội, các trung tâm kinh tế. Nam Định có nguồn lao động trẻ, dồi dào. Hệ thống giao thông được đầu tư đồng bộ, kết hợp đường sắt, đường thủy tạo thành mạng lưới giao thông vận tải liên hoàn, đủ điều kiện tổ chức vận tải đa phương thức tới mọi vùng miền trong nước và quốc tế. Hiện nay hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Nam Định đã phát triển mạnh, trở thành khu vực kinh tế năng động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm và tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương. Hiện nay tỉnh Nam Định đang thu hút mạnh mẽ các doanh nghiệp trong và ngoài nước với nhiều loại hình kinh tế sản xuất, kinh doanh dịch vụ mang lại hiệu quả cao.

Công ty TNHH công nghiệp Sinte Nam Định được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 0601220673 lần đầu ngày 31/08/2021 và thay đổi đăng ký lần thứ 2 ngày 26/09/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp. Trước nhu cầu phát triển, Công ty đầu tư Xây dựng tổ hợp công ty sản xuất điện tử, đồ chơi, gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại công nghệ cao phục vụ xuất khẩu tại xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực.

Ngày 17/10/2022, UBND tỉnh Nam Định đã ra Quyết định số 1897/QĐ-UBND quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án “Xây dựng tổ hợp công ty sản xuất điện tử, đồ chơi, gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại công nghệ cao phục vụ xuất khẩu” tại xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực với diện tích khoảng 8,8ha. Với mục tiêu hoạt động sản xuất: gia công thiết bị điện, điện tử khoảng 2.000.000 sản phẩm/năm; sản xuất đồ chơi trẻ em khoảng 5.000.000 sản phẩm/năm với số lượng lao động của dự án là 2.000 người.

Vị trí thực hiện dự án đã được UBND tỉnh Nam Định chấp thuận cho Công ty TNHH công nghiệp Sinte Nam Định nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án tại Văn bản số 500/UBND-VP3 ngày 11/07/2022 và văn bản điều chỉnh, bổ sung số 713/UBND-VP3 ngày 26/09/2022. Diện tích toàn bộ dự án khoảng 8,8ha trong đó toàn bộ là đất trồng lúa nước 02 vụ.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án sẽ phát sinh các tác động đến môi trường trong vùng bao gồm môi trường tự nhiên (môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất) và môi trường xã hội. Như vậy việc lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nhằm phân tích các tác động sẽ diễn ra trong quá trình chuẩn bị dự án, quá trình dự án đi vào hoạt động cũng như khi dự án ngừng hoạt động và đề ra các biện pháp giảm thiểu các tác động đó.

Căn cứ theo Điểm b Khoản 1 Điều 30; Khoản 3 Điều 35 Luật bảo vệ môi trường năm 2020; Điểm đ Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022 và mục số 6 Phụ lục IV phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và UBND tỉnh Nam Định phê duyệt.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư:

Công ty TNHH công nghiệp Sinte Nam Định

1.3. Mối quan hệ của dự án với quy hoạch phát triển.

Dự án Xây dựng tổ hợp công ty sản xuất điện tử, đồ chơi, gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại công nghệ cao phục vụ xuất khẩu tại xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực là dự án đầu tư mới và phù hợp với các quy hoạch sau:

- Quyết định số 2341/QĐ-TTg ngày 02/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 9/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 và Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND huyện Nam Trực về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực.

**II. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM**

**2.1. Thông tin chung:**

### *2.1.1.Tên dự án:*

**Xây dựng tổ hợp công ty sản xuất điện tử, đồ chơi, gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại công nghệ cao phục vụ xuất khẩu**

***2.1.2. Tên chủ dự án***

- Chủ dự án: Công ty TNHH công nghiệp Sinte Nam Định

- Đại diện chủ đầu tư : ông Nguyễn Anh Tuấn Chức vụ: Giám đốc

- Trụ sở: Xóm 15, đường tỉnh lộ 487B, xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

***2.1.3. Vị trí địa lý của dự án:***

Khu vực thực hiện dự án đã được quy hoạch là đất chuyển đổi mục đích sử dụng tại xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Tổng diện tích thực hiện dự án khoảng 8,8ha.

Vị trí tiếp giáp của dự án như sau:

+ Phía Đông giáp đất trồng lúa (khoảng 340m).

+ Phía Tây giáp đất trồng lúa (khoảng 340m).

+ Phía Nam giáp đường TL 487B (khoảng 270m).

+ Phía Bắc giáp đất trồng lúa (khoảng 270m).

***2.1.4. Mục tiêu đầu tư:***

- Nâng cao hiệu quả khai thác quỹ đất chuyển đổi từ nông nghiệp, đảm bảo không đầu tư dàn trải, lãng phí đất.

- Đóng góp vào sự phát triển quốc gia thông qua đóng thuế.

- Tạo nguồn thu cho ngân sách, tạo thêm việc làm cho lao động tại địa phương

***2.1.5. Quy mô, công suất dự án***

*\* Quy mô dự án:* Đây là Dự án xây dựng mới. Tổng diện tích mặt bằng của dự án khoảng 8,8ha.

*\* Công suất dự án:*

Hoạt động sản xuất: gia công thiết bị điện, điện tử khoảng 2.000.000 sản phẩm/năm; sản xuất đồ chơi trẻ em khoảng 5.000.000 sản phẩm/năm.

*\* Công nghệ sản xuất dự án:*

*a. Quy trình sản xuất đồ chơi:*

Nguyên liệu nhựa thô

Pha trộn + phối màu

Nguyên liệu tạo màu

Quy trình đúc

Phế liệu đang được nghiền

Chi tiết nhựa

Quy trình sơn phun

Chi tiết nhựa có màu nguyên bản

Quy trình tempo

Quy trình in phun

Quy trình sơn tay

Quy trình hàn thiếc

Chi tiết điện tử

Thành phẩm

Lắp ráp

Khí thải đúc

Khí thải phun

Khí thải Tempo

Khí thải sơn tay

Khí thải hàn thiếc

*Sơ đồ 1: Quy trình sản xuất đồ chơi trẻ em*

*b. Quy trình gia công thiết bị điện tử:*

*Sơ đồ 2: Quy trình gia công thiết bị điện tử*

Nguyên liệu

Kiểm tra IQC

Lắp ráp đầu nổi

Lắp ráp trụ nổi

Lắp ráp giắc cắm

Lắp ráp chéo các khớp nối

Hàn nối

Lắp ráp cáp

Lắp ráp PCAB

Kiểm tra

Lắp ráp nắp

Đóng gói

CRT

Đầu nối, đinh

Trụ nối

Giắc cắm

Khớp nối

Thiếc hàn

Cáp

Linh kiện PACB

Nắp

Bao bì đóng gói

CRTNH, khí thải

CRT

Xuất hàng

**2.2. Các hạng mục công trình của dự án**

*Bảng 1: Các hạng mục công trình của dự án*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục công trình** | **Diện tích (m2)** | **Số tầng cao** |
| ***I*** | ***Hạng mục công trình chính*** |  |  |
| 1 | Nhà xưởng 1 | 4.800 | 01 |
| 2 | Nhà xưởng 2 | 4.800 | 01 |
| 3 | Nhà xưởng 3 | 4.800 | 01 |
| 4 | Nhà xưởng 4 | 4.800 | 01 |
| 5 | Nhà xưởng 5 | 2.400 | 01 |
| 6 | Nhà xưởng 6 | 2.400 | 01 |
| 7 | Nhà kho 1 | 4.800 | 01 |
| 8 | Nhà kho 2 | 4.800 | 01 |
| 9 | Nhà kho 3 | 2.400 | 01 |
| ***II*** | ***Hạng mục công trình phụ trợ*** |  |  |
| 1 | Nhà để xe máy | 648 | 01 |
| 2 | Nhà ăn ca công nhân | 2.169 | 01 |
| 3 | Nhà nghỉ công nhân | 728,5 | 03 |
| 4 | Nhà văn phòng số 1 | 1.410 | 02 |
| 5 | Nhà văn phòng số 2 | 761,4 | 01 |
| 6 | Nhà làm việc chuyên gia (3 nhà) | 156 x 3 | 01 |
| 7 | Nhà thường trực | 16,81 | 01 |
| 8 | Phòng kỹ thuật | 330,89 | 01 |
| 9 | Bể nước sạch đặt ngầm | 240 | 01 |
| 10 | Trạm điện (2 trạm) | 80 x 2 | 01 |
| 11 | Cổng | - | - |
| 12 | Chòi nghỉ | 105 x 3 | 01 |
| 13 | Sân thể thao | 445 | 01 |
| 14 | Đất sân đường nội bộ, hạ tầng kỹ thuật | 22.792,11 | 01 |
| ***III*** | ***Công trình bảo vệ môi trường*** |  |  |
| 1 | Nhà vệ sinh công cộng (3 nhà) | 75 x 3 | 01 |
| 2 | Hệ thống xử lý nước thải | 209,71 | 01 |
| 3 | Nhà chứa rác thải | 277,38 | 01 |
| 4 | Hệ thống thu gom nước mưa | 1 hệ thống |  |
| 5 | Hệ thống thu gom, xử lý nước thải | 1 hệ thống |  |
| 6 | Đất trồng cây xanh, thảm cỏ + mặt nước | 17.197,6 | 01 |

**2.3. Nguyên liệu sử dụng trong dự án**

***a. Trong giai đoạn thi công xây dựng***

Các nguyên vật liệu gồm, đá, bê tông, cát và gạch xây dựng, xi măng, cát xây dựng các loại, thép xây dựng sử dụng các nguồn cung cấp của tỉnh Nam Định và vùng lân cận.

Bảng 2: Dự báo khối lượng nguyên, vật liệu trong xây dựng.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại vật liệu** | **Đơn vị** | **Khối lượng** | **Tỷ trọng** | **Khối lượng (tấn)** |
| **I** | **Cát san lấp mặt bằng** | m3 | 82.845,23 | 1,2 tấn/m3 | 99.414,27 |
| **II** | **Hoạt động thi công xây dựng dự án** | | | | |
| 1 | Bê tông thương phẩm | m3 | 18.000 | 2,35 tấn/m3 | 42.300 |
| 2 | Đá các loại | m3 | 20.000 | 1,6 tấn/m3 | 32.000 |
| 3 | Cát xây dựng | m3 | 14.000 | 1,2 tấn/m3 | 16.800 |
| 4 | Gạch các loại | Tấn | 300 |  | 300 |
| 5 | Thép các loại | Tấn | 4.000 |  | 4.000 |
| 6 | Tôn | m2 | 6.500 | 0,008 tấn/m2 | 52 |
| 7 | Sắt các loại | Tấn | 4.500 |  | 4.500 |
| 8 | Xi măng | Tấn | 19.000 |  | 19.000 |
| 9 | Nhựa đường | Tấn | 5 | - | 5 |
|  | **Tổng** |  |  |  | **218.371,3** |

***b. Trong giai đoạn dự án đi vào khai thác sử dụng***

*\* Nguồn cấp nước:* Nguồn nước cung cấp cho hoạt động sản xuất và hoạt động sinh hoạt của CBCNV trong nhà máy được cấp bới xí nghiệp kinh doanh nước sạch Nam Trực. Ước tính nhu cầu sử dụng nước như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhu cầu dùng nước** | **Quy mô** | **Nhu cầu sử dụng nước (m3/ng.đêm)** |
| 1 | Nước cấp cho hoạt động sản xuất: khu vực buồng phun sơn |  | 1 |
| 2 | Nước cấp cho bể hấp thụ trong hệ thống xử lý khí thải |  | 1 |
| 3 | Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc trong công ty | 2.000 người | 120 |
| 4 | Nước cấp tưới cây | 17.270,89m2 | 22,7 |
|  | **Tổng cộng** |  | **144,7** |

*\* Nguồn cấp điện:* Nguồn điện cung cấp cho hoạt động sản xuất và hoạt động sinh hoạt của CBCNV trong Công ty được lấy từ lưới điện đường dây trung thế của Điện lực huyện Nam Trực.

**2.4. Các tác động đến môi trường và các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.**

*2.4.1. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh*

*A, Giai đoạn thi công*

*- Nước thải:*

*+* Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 1,8m3/ngày.đêm. Thành phần gồm: TSS; BOD5; COD; Amoni; Nitrat; Sunfua; Photphat; vi khuẩn,…

+ Nước thải xây dựng: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa các thiết bị, dụng cụ xây dựng phát sinh khoảng 2 m3/ngày. Thành phần chủ yếu: TSS,…

*- Khí thải:* Bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công, từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, bùn, đất thải. Thành phần khí thải: Bụi, CO, SO2, NOx,..

*- Chất thải rắn thông thường:*

*+* Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân xây dựng với khối lượng khoảng 12 kg/ngày. Thành phần: thực phẩm, thức ăn thừa, giấy vụn, bìa carton, ...

+ Chất thải xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, khối lượng phát sinh khoảng 218,37 tấn/quá trình xây dựng. Thành phần: đất đá, nạo vét bùn, đào hố móng; bê tông, gạch, đá,..

+ Chất thải rắn từ hoạt động bóc tách tầng đất mặt đất lúa 02 vụ: Khối lượng đất bóc tách khoảng 12.948,5m3

*- Chất thải rắn nguy hại:*

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng chủ yếu là dầu thải, chất thải nhiễm dầu từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc thi công và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu của dự án. Khối lượng phát sinh: giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì sơn thải,… khoảng 30 kg;

*B, Giai đoạn vận hành*

*- Nước thải:*

*+* Nước mưa chảy tràn với thành phần chủ yếu là chất rắn (đất, cát,...) bị cuốn trôi theo với tải lượng là:

1.863 (mm) x 84.394,4m2/1000 ≈ 157.227 m3/năm

+ Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 15m3/ngày.đêm. Thành phần gồm: TSS; BOD5; COD; Amoni; Nitrat; Sunfua; Photphat; vi khuẩn,…

*- Khí thải:*

Khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông của CBCNV. Thành phần khí thải chủ yếu là bụi, CO, SO2, NOx,..

Khí thải từ quá trình sản xuất: khí thải sơn phun, khí thải sơn tay, khí thải hàn thiếc, khí thải tempo, khí thải phun, khí thải đúc. Thành phần chủ yếu là hơi mùi sơn, dung mỗi hữu cơ, dung dịch chất tạo màng (thông thường là polyme), bột màu, muối axit....

*- Chất thải :*

+ Chất thải rắn sinh hoạt: từ hoạt động sinh hoạt, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt ước tính khoảng 800kg/ngày

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: chất thải từ quá trình sản xuất khoảng 5,5 tấn/năm.

+ CTNH phát sinh khoảng 350 kg/năm.

## 2.4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

***a. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải***

*\* Hệ thống thu gom nước thải*

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải được thiết kế tách riêng hoàn toàn với hệ thống đường cống thu gom và thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt được thu gom theo hệ thống ống nhựa D110 về hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra ngoài môi trường.

*\* Hệ thống xử lý nước thải của Công ty:*

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 150m3/ngày đêm. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý như sau:

Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh→ Bể tự hoại 3 ngăn→ Bể thu gom → Bể điều hòa→ Bể AOA kết hợp MBBR → Bể lắng II → Bể khử trùng và trung gian → Hệ thống lọc thô và lọc tinh → Hố ga → Mương nội đồng phía Bắc dự án.

Nước thải nhà ăn → Bể tách mỡ (hố ga) → Bể thu gom để tiếp tục xử lý.

- Vị trí xả nước thải: mương nội đồng phía Bắc dự án.

- Phương thức xả thải: tự chảy.

***b. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý bụi, khí thải***

*\* Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí trong công ty.*

- Bố trí quạt hút khu vực sản xuất và hệ thống máy móc thiết bị kín hạn chế hơi mùi phát sinh.

- Xây dựng kế hoạch định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thay thế hoặc đổi mới các máy móc thiết bị sản xuất kịp thời nhằm tránh gây rò rỉ các chất ô nhiễm, các chất độc hại ra môi trường, hạn chế các nguy cơ gây cháy nổ.

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh Công ty sau mỗi ca làm việc.

- Quy định các xe ra vào phải để xe đúng nơi quy định.

- Diện tích cây xanh mặt nước với tổng diện tích khoảng 17.197,6m2 đạt tỷ lệ khoảng 20,38% tạo cảnh quan, điều hòa không khí.

*\* Biện pháp xử lý bụi, khí thải từ quá trình sản xuất của Công ty.*

Chủ đầu tư cho lắp đặt hệ thống xử lý bụi, hơi mùi, khí thải từ quá trình sản xuất nhựa như sau:

Bụi, khí thải → Ống dẫn φ300 → Quạt hút, đẩy →Bể hấp thụ bằng nước→ Quạt hút, đẩy →Thiết bị chứa than hoạt tính→ Quạt hút, đẩy → Ống phóng không.

*\* Biện pháp xử lý bụi, hơi mùi khí thải từ hoạt động phun sơn.*

- Lắp đặt buồng phun sơn kín.

- Chủ đầu tư lắp đặt hệ thống quạt hút, chụp hút, để thu gom hơi mùi khí thải về hệ thống xử lý cùng với hệ thống xử lý khí thải của Công ty.

***c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường***

- Công ty có trách nhiệm trong việc ban hành quy chế, nội quy về việc quản lý, thu gom rác thải.

- Thực hiện thu gom, phân loại chất thải phát sinh; Thực hiện thu gom lưu giữ chất thải rắn về kho chứa CTR thông thường. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển chất thải theo quy định.

### *d. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại*

Công ty thực hiện việc phân loại, thu gom, lưu chứa và xử lý theo theo đúng hướng dẫn của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật BVMT và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật BVMT.

+ Công ty bố trí 01 kho chứa CTNH. Kho có tường bao kín, nền đổ bê tông có mái che. Kho có khóa, bên ngoài có biển báo CTNH theo đúng quy định. Trong kho bố trí các thùng chứa để thu gom CTNH. Các thùng chứa phải được dán tên loại chất thải, mã CTNH theo quy định.

+ Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### *e. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.*

*- Phòng chống sự cố về hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải tập trung*

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường cống thu gom nước mưa, nước thải, hệ thống hố ga và trạm xử lý nước thải để có phương án xử lý kịp thời.

+ Thường xuyên theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải và các yếu tố bất thường liên quan đến quá trình xử lý nước thải của hệ thống.

+ Hàng ngày ghi chép, lưu giữ thông tin chính xác, đầy đủ trong Sổ nhật ký vận hành của trạm xử lý.

+ Khi thấy bất kỳ hiện tượng bất thường nào phải tiến hành kiểm tra, theo dõi và báo cho người có thẩm quyền của Công ty để có biện pháp ứng phó, khắc phục kịp thời.

*- Phòng ngừa bệnh liên quan đến tác nhân nghề nghiệp*: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị máy móc trong nhà xưởng. Đề ra nội quy về an toàn lao động trong quá trình vận hành các thiết bị máy móc và trang bị bảo hộ lao động cho người lao động,…

*- Phòng ngừa cháy nổ, chập điện:* Nhà máy thiết kế, thi công và nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định hiện hành. Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định; Lắp đặt các thiết bị bảo vệ an toàn điện cho các thiết bị máy móc sản xuất; Định kỳ 6 tháng/lần sẽ tiến hành kiểm tra các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy; Thường xuyên tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến và giáo dục các kiến thức về phòng chống cháy nổ cho người lao động và người sử dụng lao động. Xây dựng nội quy PCCC nơi sản xuất, làm việc và phổ biến cho cán bộ, công nhân hiểu biết và nghiêm túc thực hiện.

- *Phòng chống thiên tai*: Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, bão lụt; Thường xuyên kiểm tra bảo đảm an toàn các đường dây tải điện, đặc biệt khi có tin bão có thể xảy ra trên địa bàn; Thành lập ban phòng chống bão lụt, triển khai các hoạt động cụ thể trong mùa mưa bão phù hợp với tình hình thực tế; Xây dựng hệ thống chống sét, nối đất tại xưởng sản xuất.

**2.5. Chương trình quản lý, giám sát môi trường.**

### *2.5.1. Giai đoạn xây dựng*

*\* Không khí xung quanh:*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí cuối hướng gió ưu tiên gần khu dân cư tại khu vực xây dựng dự án (phía Tây, phía Bắc).

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng, CO, SO2, NO2.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

### *2.5.2. Giai đoạn vận hành*

***\* Giám sát nước thải:***

- Vị trí quan trắc giám sát:

+ 1 mẫu nước thải tại bể thu gom trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thông số: Lưu lượng nước thải đầu vào (m3/ngày.đêm), pH, BOD5, chất rắn lơ lửng (TSS), TDS, Amoni (tính theo N), Sunfua, Phosphat, Dầu mỡ động thực vật, Nitrat (tính theo N), Chất hoạt động bề mặt, Coliform.

+ 1 mẫu nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý, trước khi chảy ra ngoài môi trường với thông số quan trắc, giám sát: Lưu lượng nước thải đầu ra (m3/ngày.đêm), pH, BOD5, chất rắn lơ lửng (TSS), TDS, Amoni (tính theo N), Sunfua, Phosphat, Dầu mỡ động thực vật, Nitrat (tính theo N), Chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- Tần suất quan trắc giám sát: 3 tháng/lần (4 lần/năm).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp. Áp dụng hệ số Kq =0,9, Kf=1,1; Đối với các thông số: pH, Coliform thì Cmax = C

**III. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN**.

Chủ đầu tư cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

Nội dung cam kết thực hiện những nội dung sau:

- Tôn trọng các giá trị của các cộng đồng địa phương và thường xuyên tiến hành trao đổi, tham khảo ý kiến của người dân địa phương trong các công việc có ảnh hưởng đến hệ sinh thái và môi trường trong khu vực thực hiện dự án.

- Xây dựng, duy trì và kiểm tra các giải pháp giảm thiểu (nước thải, khí thải) trong giai đoạn vận hành của dự án. Sẵn sàng thông báo tình trạng khẩn cấp với đơn vị cung cấp, các cơ quan có thẩm quyền và cộng đồng địa phương.

- Phối hợp với chính quyền địa phương để lồng ghép các hoạt động sản xuất của dự án vào mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương

- Cam kết thực hiện đúng và đầy đủ đã thể hiện những nội dung bảo vệ môi trường nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý nước thải và các biện pháp giảm thiểu khác nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cam kết xử lý đạt các quy chuẩn hiện hành về môi trường do trung ương và địa phương quy định.

- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố về môi trường.

- Cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (B)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và QCVN 14:2008/BTNMT (B)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, Quy chuẩn tương đương khi có thay đổi